



問問題

wèn wèn tí

Copy the pinyin of the question sentence

1 name	你叫什麼名字？ nǐ jiào shé mo míng zi?	
2 age	你幾歲？ nǐ jǐ suì?	
3 grade	你上幾年級？ nǐ shàng jǐ nián jí?	
4 family	你家有幾個人？ nǐ jiā yǒu jǐ ge rén?	
5 country	你是哪國人？ nǐ shì nǎ guó rén?	
6 place	你家住在哪儿？ nǐ jiā zhù zài nǎ er?	
7 phone	你家的電話號碼是多少？ nǐ jiā de diàn huà hào mǎ shì duō shǎo?	